

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /2017/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ...C.....
Ngày: 24/3/2017...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về hoạt động đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 10./TTr-SKHCN ngày 16 tháng 02/năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt Quyết định ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017 và thay thế Quyết định số 2718/2006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành “Quy định về quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Sở Tư pháp (kiểm tra văn bản);
- Website Chính phủ;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SKHCN(2).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông

QUY ĐỊNH

**Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm:

- a) Đề án khoa học cấp tỉnh;
- b) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- c) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải đáp ứng được yêu cầu của Quy trình xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành.

Điều 3. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ghi như sau: ĐTCN.XX/YY, DACN.XX/YY, ĐTXH.XX/YY, ĐACT.XX/YY.

Trong đó:

1. ĐTCN là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.
2. DACN là ký hiệu chung cho các dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.

3. ĐTXH là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

4. ĐACT là ký hiệu chung cho các đề án khoa học.

5. Nhóm XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được Sở Khoa học và Công nghệ sắp xếp theo từng nhóm ĐTCN, DACN, ĐTXH, ĐACT trong năm bắt đầu thực hiện.

6. Nhóm YY là nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

7. Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

Điều 4. Công bố danh mục, đăng ký, lưu giữ và thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (bao gồm: Danh mục các nhiệm vụ được đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp; kết quả trúng tuyển; kết quả thực hiện nhiệm vụ) được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoặc trên những phương tiện thông tin đại chúng khác theo các quy định hiện hành.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh phải được đăng ký và lưu giữ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo những quy định tại Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

4. Việc truyền thông về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và Luật Báo chí. Các sở, ban, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ.

Điều 5. Tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí thực hiện các nội dung và kinh phí quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí được hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn hợp pháp khác. Nguồn kinh phí này được giao về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hình thức giao dự toán để cấp cho tổ chức chủ trì chỉ cho thực hiện các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo tiến độ của hợp đồng.

Khuyến khích tổ chức và cá nhân tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và được giao dự toán về Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh để chi cho các hoạt động quản lý.

4. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

Chương II

TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 6. Xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện và thẩm định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện và thẩm định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo các quy định do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành.

Điều 7. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

Điều 8. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hợp đồng đã ký.

Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, tên, mục tiêu, sản phẩm, thời gian thực hiện nhiệm vụ, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp điều chỉnh kế hoạch đoàn ra, như điều chỉnh nước đến, số lượng người tham gia đoàn ra... phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

4. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng trước khi quyết định điều chỉnh.

Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trình tự, thủ tục đánh giá nghiệm thu, công nhận các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định tổ chức đánh giá nghiệm thu và công nhận các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 11. Quản lý sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, xử lý theo quy định Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 12. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng thực hiện hàng năm.

2. Phối hợp với Sở Tài chính trong tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm theo quy định.

3. Quyết định và chịu trách nhiệm thực hiện các công việc theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

a) Tổ chức các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tổ chức Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và thẩm định kinh phí của nhiệm vụ;

b) Phê duyệt kinh phí và là bên đặt hàng ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

c) Theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Điều 9 Quy định này;

d) Tổ chức đánh giá nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo giai đoạn như thuyết minh đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm việc giám sát quá trình sử dụng kinh phí của các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Chủ trì thực hiện việc cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

4. Tham gia, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xử lý các vấn đề có liên quan đến điều chỉnh kinh phí, chấm dứt hợp đồng.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua cơ quan thường trực là Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp và hội đồng đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tiếp nhận, xây dựng kế hoạch triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do chính cơ quan đã đề xuất đặt hàng và dự toán kinh phí thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai kế hoạch đã được phê duyệt; đánh giá hiệu quả ứng dụng và định kỳ hàng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ để được tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước do Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu

trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để được nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông